TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/DS-ST
Ngày: 30/9/2019
V/v trA chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản.

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liệu.

2. Ông Lý Và Dưỡng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai: ông Trần Văn Luân– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1960.

Địa chỉ: 1530/E, ấp Phú Tân, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ.

Đại diện theo ủy quyền: bà Đinh Thị Thúy H1 (văn bản ủy quyền ngày 11/7/2019)

**Bị đơn*: bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 1499/E, ấp Phú Tân, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Chiêng Văn H, sinh năm 1956.

Địa chỉ: 1499/E, ấp Phú Tân, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ.

(bà H1, bà A, ông H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện,bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn bà H1 trình bày:*

Đối với tiền vay: vào ngày 15/4/2011 bà A có vay bà C 40.000.000đ, trong giấy vay không thỏa thuận lãi nhưng thỏa thuận miệng là 3%/tháng. Bà A có viết giấy vay và ký tên. Qua trình vay bà A trả được 500.000đ tiền lãi và không thA toán nữa.

Đối với tiền Hụi, bà A có tham gia 02 dây hụi, cụ thể như sau:

- Loại hụi 1.000.000đ khui ngày 10/01/2010 bà A tham gia 02 chân Hụi. 01 chân bà A hốt ngày 10/02/2010 được 10.680.000đ, 01 chân bà A hốt ngày 10/4/2010 được 11.960.000đ. Sau khi bà A hốt 02 chân thì hàng tháng bà A phải đóng cho bà C cả 02 chân là 2.000.000đ. Tuy nhiên đến tháng 03/2011 và tháng 4/2011 bà A không đóng nữa. bà A còn nợ bà C là 02 tháng là 4.000.000đ.

- Loại Hụi 1.000.000đ khui ngày 10/4/2011 bà A tham gia 01 chân, bà A hốt ngày 10/4/2011 được 11.300.000đ. Sau khi hốt bà A phải đóng cho bà C 1.000.000đ. bà A đóng được 8 tháng không đóng nữa, bà A còn nợ tôi 7 tháng là 7.000.000đ.

Đến cuối năm 2011 bà A và bà C chốt lại tiền Hụi bà A nợ bà C 11.000.000đ. Hai bên thảo thuận lãi suất 3%/tháng. Tuy nhiên từ đó đến nay bà A chưa thA toán cho bà C tiền gốc và tiền lãi nào.

Số tiền bà C cho vay và tiền chơi Hụi là tiền riêng của bà C, chồng ba C ông Nguyễn Ngọc Ch đã chết, hàng thừa kế của ông Ch xác nhận số tiền trên là tiền riêng của bà C.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu bà A toán số tiền nợ gốc 11.000.000đ.

Ngày 12/9/2019 đại diện theo ủy quyền bà C có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 40.000.000đ và tiền lãi 35.730.000đ.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày.*

Về tiền vay: bà A xác nhận không vay tiền như bà C trình bày, đối với giấy vay bà C cung cấp không phải chữ ký và chữ viết của bà.

Về Hụi: Bà A thừa nhận có tham gia chơi hụi với bà C như bà C trình bày và tôi xác nhận còn nợ bà C số tiền Hụi trên là 11.000.000đ. Sau khi bà và bà C chốt số tiền hụi trên thì bà đã thA tóan cho bà C nhiều lần tiền được tổng cộng 7.000.000đ, trong đó có 4.000.000đ tiền gốc và 3.000.000đ tiền lãi thời gian trả lúc nào bà không nhớ. Nay bà xác nhận chỉ thiếu bà C 7.000.000đ tiền gốc. Khi trả số tiền trên cho bà C bà đưa trực tiếp cho bà C, không ghi giấy tờ, biên nhận gì cả nên tôi không có giấy tờ, tài liệu gì cung cấp cho Tòa.

Số tiền Hụi trên bà là người trực tiếp tham gia, mục đích để giải quyết việc gia đình, ông Minh chồng bà có biết.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu bà và ông H thA toán số tiền trên thì bà không đồng ý. Bà đồng ý thA toán số nợ hụi còn lại 7.000.000đ.

**Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H trình bày:*

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Kim A, quá trình bà A vay tiền và tham gia chơi hụi với bà C như thế nào ông không biết, hiện tại ông không biết bà A còn thiếu nợ bà C bao nhiêu tiền. Qua trình chung sống bà A sử dụng tiền vào

mục đích gia đình.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu bà A và ông cùng thA toán số tiền trên thì ông không đồng ý.

**Ý kiến của Kiểm sát viên:*

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn và người có quyền nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ gốc 11.000.000đ.

Về án phí bà A, ông H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền: bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A cư trú tại: 1499/E, ấp Phú Tân, xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên đơn khởi kiện của bà C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

[2]Thời hiệu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích quy định về thời hiệu khởi kiện cho các bên đương sự nhưng không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ vào Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu để giải quyết.

[3]Về quan hệ pháp luật:

- Đối với hợp đồng vay tài sản: Nguyên đơn trình bày ngày 15/4/2011 bà A có vay số tiền 40.000.000đ; bị đơn không thừa nhận và có trA chấp nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật trA chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với số tiền nợ Hụi nguyên đơn và bị đơn xác định cuối năm 2011 hai bên chốt lại tiền hụi và xác định là tiền nợ tổng cộng 11.000.000đ không trA chấp hụi. Bị đơn không thA thA toán số tiền trên nên nguyên đơn khởi kiện đòi lại số tiền nay. Tòa án xác định quan hệ pháp luật trA chấp đòi lại tài sản theo quy định khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]Về tư cách đương sự: Đối với ông Nguyễn Ngọc Ch là chồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị C chết năm 2018, ông Ch chết sau thời điểm bà C cho bà A vay tiền và tham gia chơi hụi. Qua trình giải quyết vụ án Tòa án đã làm việc với hàng thừa kế của ông Ch và tất cả xác nhận số tiền bà C cho vay và tiền hụi nêu trên là tiền riêng của bà C. Vì vậy, Tòa án không đưa hàng thừa kế ông Ch tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[5]Về pháp luật áp dụng:

Theo giấy biên nhận ngày 15/4/2011 nguyên đơn trình bày là hợp

đồng vay tài sản không có kỳ hạn và thỏa thuận lãi là 3%/tháng.

Theo các giấy hụi ngày 10/01/2010, ngày 10/4/2010, ngày 10/4/2011 hai bên xác nhận là Hụi. Trong năm 2011 hai bên chốt lại tiền Hụi và thỏa thuận tiền lãi 3%/tháng.

Các giao dịch trên được xác lập trước khi Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, nhưng mức lãi suất thỏa thuận vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nên Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 giải quyết.

[6]Về nội dung vụ án:

Đối với hợp đồng vay tài sản và yêu cầu tiền lãi: Ngày 12/9/2019 đại diện theo ủy quyền bà C có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 40.000.000đ và tiền lãi 35.730.000đ nên được chấp nhận, Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện này.

Đối với số tiền Hụi: từ năm 2010 đến năm 2011 bà Nguyễn Thị Kim A có tham gia chơi hụi với bà Nguyễn Thị C tổng cộng 02 dây hụi, tất cả 02 dây hụi bà A hốt trước. Đến cuối năm 2011 bà A và bà C chốt lại bà A còn nợ bà C số tiền hụi là 11.000.000đ và thỏa thuận tiền lãi là 3%/tháng. Quá trình giải quyết bà A thừa nhận nội dung này là đúng.

Bị đơn bà A trình bày sau khi bà và bà C chốt số tiền hụi trên thì bà đã thA tóan cho bà C nhiều lần tiền được tổng cộng 7.000.000đ, trong đó có 4.000.000đ tiền gốc và 3.000.000đ tiền lãi, thời gian trả lúc nào bà không nhớ. Khi trả số tiền trên bà đưa trực tiếp cho bà C, không ghi giấy tờ, biên nhận gì cả nên tôi không có giấy tờ, tài liệu gì cung cấp cho Tòa án. Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải, đối chất nhưng bà C cũng không chấp nhận lời khai này của bà A. Do đó không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng mình lời khai của bà A là đúng sự thật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định bà A có tham gia chơi Hui và còn nợ bà Nguyễn Thị C số tiền 11.000.000đ.

Về trách nhiệm trả nợ của ông Chiêng Văn H: Xét khoản nợ do bà A là vợ ông H trực tiếp tham gia chơi hụi nhưng mục đích dùng vào việc chung của gia đình nên căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình buộc ông H có nghĩa vụ liên đới cùng bà A trả khoản nợ nêu trên.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C buộc bà A và ông H phải trả cho bà C số tiền nợ Hụi 11.000.000đ.

[7]Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận nên bà A và ông H phải chịu 11.000.000đ x 5% = 550.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2,3 Điều 26; Điều 203; Điều 220; Điều 235; Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 256, 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về trA chấp "Đòi lại tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị Kim A và ông Chiêng Văn H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ gốc là 11.000.000đ (mười một triệu).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim A và ông Chiêng Văn H trả số tiền vay 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi 35.730.000đ (ba mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi ngàn).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Chiêng Văn H phải nộp 550.000đ (năm trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị C tiền tạm ứng án phí là 2.168.000đ (hai triệu một trăm sáu mươi tám ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002400 ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND H. Định Quán;
- THA DS H. Định Quán;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA